

## BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

**Nhiệm vụ:** Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cầu Sơn, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

**Đơn vị thực hiện:** Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý Chất lượng Nước, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

**Thời gian:** Đợt 1 (tháng 1/2020)

**Căn cứ theo các quy chuẩn:** QCVN 08:2015 nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: **Cống Cẩm Sơn (hạ lưu hồ Cẩm Sơn), Sông Thương tại Hữu Lũng, Công điều tiết Kè Sơn, Công Quang Hiển, Kênh Tổ Rồng (đầu kênh Giữa), Kênh G52 (cuối kênh).**

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp: **Các vị trí đạt giới hạn trên.**

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Các vị trí đạt giới hạn trên. Kênh Kè Hoàn, Kênh Hà Vang, Kênh Thái Đào, Cầu Quật (đầu kênh Yên Lại), Kênh Hà Phú, Kênh Y22 (cuối kênh), Trạm bơm Bảo Sơn (đầu kênh Bảo Sơn).**

Các vị trí đạt giới hạn B2 (không đạt B1): Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên. **Cống điều tiết Đào Mỹ (đầu công điều tiết Hòa Mỹ), Kênh Tây tại TL 295.**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích trên:

**Chi tiết thể hiện trong bảng sau:**

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
1	1	Công Cấm Sơn (hạ lưu hồ Cấm Sơn)	Trời lạnh, t° = 16°C, độ ẩm 77%, gió BĐB 11 km/h, mật độ mây 90%. Dòng chảy trung bình.	Nước trong xanh.	7.16	1.5	7.37	0.1	0.155	0.266	146	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.  Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
2	2	Sông Thương tại Hữu Lũng	Trời lạnh, t° = 16°C, độ ẩm 76%, gió BĐB 11 km/h, mật độ mây 93%. Dòng chảy trung bình, mực nước thấp. Dưới đáy sông có nhiều xương trâu, bò.	Nước màu xanh.	7.31	4.3	7.74	0.1	0.140	0.250	174	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.  Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
3	3	Công điều tiết Kè Sơn	Trời lạnh, t° = 16°C, độ ẩm 78%, gió BĐB 13 km/h, mật độ mây 90%. Dòng chảy trung bình, công	Nước màu xanh trong.	7.46	1.2	7.36	0.2	0.210	0.614	312	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N	Độ dẫn (mS/cm)		
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2			
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5			
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10			
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15			
			mở.										Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
4	4	Công Quang Hiến	Trời lạnh, t° = 17°C, độ ẩm 75%, gió BĐB 10 km/h, mật độ mây 95%. Dòng chảy chậm, cống mở hé 1 cánh. Thượng lưu cống nhiều bèo.	Nước màu xanh.	7.29	1.6	6.34	0.2	0.124	0.583	300	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.  Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	
5	5	Công điều tiết Đào Mỹ (đầu cống điều tiết Hòa Mỹ)	Trời âm u, t° = 17°C, độ ẩm 82%, gió BĐB 11 km/h, mật độ mây 92%. Cống mở, dòng chảy rất chậm, mực nước thấp.	Nước màu xanh lục.	7.08	7.4	1.6	0.2	0.357	0.648	361	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.  Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
6	6	Kênh Tây tại TL 295	Trời âm u, t° = 16°C, độ ẩm 80%, gió BĐB 11 km/h, mật độ mây 92%. Mực nước thấp, không có dòng chảy. Vị trí cuối kênh Tây, có nhiều rác thải dưới kênh.	Nước màu xanh lục.	7.19	6.3	<b>1.04</b>	0.3	<b>0.971</b>	0.704	358	<b>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
7	7	Cống Tổ Rồng (đầu kênh Giữa)	Trời lạnh, t° = 16°C, độ ẩm 78%, gió BĐB 13 km/h, mật độ mây 95%. Dòng chảy chậm, cống mở hé. Dưới kênh có nhiều rác. Có nguồn thải dân sinh.	Nước màu xanh.	7.55	1.5	7.28	0.2	0.163	0.641	288	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
8	8	Cống Kè Hoàn	Trời âm u, t° = 16°C, độ ẩm 75%, gió BĐB 11 km/h, mật độ mây 90%. Dòng chảy rất chậm, cống mở hé. Cống Kè Hoàn trên	Nước màu xanh lục.	7.49	2.5	6.7	0.2	0.521	0.997	291	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều</b>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
			kênh chính. Có nước thải dân sinh thải vào kênh.									kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
9	9	Cống Hà Vang	Trời âm u, t° = 16°C, độ ẩm 76%, gió BĐB 11 km/h, mật độ mây 90%. Dòng chảy rất chậm, cống mở hé. Dưới đáy kênh đọng nhiều rác.	Nước màu xanh lục.	7.43	1.5	6.29	0.2	0.303	1.393	292	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.  Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
10	10	Cống Thái Đào	Trời lạnh, t° = 15°C, độ ẩm 84%, gió BTB 6 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm, cống mở hé, mực nước thấp. Có nguồn thải dân sinh từ các hộ dân sống 2 bên bờ kênh.	Nước màu xanh.	7.36	2.6	5.74	0.2	0.148	0.464	298	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.  Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
11	11	Kênh G52	Trời nhiều mây, t° = 15°C, độ ẩm 85%, gió BTB 6	Nước trong.	7.7	3.4	7.5	0.2	0.249	0.601	297	Đủ điều kiện dùng cho tưới,

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N	Độ dẫn (mS/cm)		
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2			
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5			
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10			
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15			
		(cuối kênh)	km/h, mật độ mây 100%. Không có dòng chảy, mực nước thấp. Dưới đáy kênh nhiều rác thải. Có nguồn thải dân sinh.										<b>tiêu thủy lợi.</b>  <b>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
12	12	Cầu Quạt (đầu kênh Yên Lại)	Trời lạnh, t° = 16°C, độ ẩm 78%, gió BĐB 13 km/h, mật độ mây 96%. Không có dòng chảy. Thượng lưu cầu dồn ứ nhiều rác thải. Có nguồn thải dân sinh.	Nước màu xanh.	7.41	1.5	4.82	0.2	0.194	0.488	292	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>	
13	13	Kênh Hà Phú	Trời lạnh, t° = 15°C, độ ẩm 86%, gió BĐB 13 km/h, mật độ mây 89%. Không có dòng chảy, mực nước thấp. Dưới kênh nhiều rác. Có nguồn thải dân sinh.	Nước màu xanh lục.	7.04	3.6	5.24	0.2	0.155	0.209	325	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật</b>	

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												<b>thủy sinh.</b>
14	14	Kênh Y22 (cuối kênh)	Trời lạnh, t° = 15°C, độ ẩm 80%, gió BTB 6 km/h, mật độ mây 95%. Không có dòng chảy, mực nước thấp. Dưới kênh nhiều rác thải.	Nước màu xanh lục.	7.09	25.4	4.6	0.2	0.155	0.320	287	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
15	15	Trạm bơm Bảo Sơn (đầu kênh Bảo Sơn)	Trời lạnh, t° = 16°C, độ ẩm 80%, gió BDB 13 km/h, mật độ mây 90%. Dòng chảy trung bình.	Nước trong xanh.	7.39	2.5	5.9	0.2	0.163	0.689	301	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>

**Ghi chú:**

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.